

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
Số: 1014/QĐ-ĐHCNQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng, ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 26/TT-BCT ngày 17/8/2015 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết thi hành công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Công Thương; Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng trong Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Điều 2. Quy chế ban hành theo Quyết định này thay thế Quy chế Thi đua, Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 876/QĐ-ĐHCNQ ngày 15/12/2014, các văn bản hướng dẫn thi đua đã ban hành trước đây và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua-Khen thưởng, Trưởng các đơn vị và toàn thể cán bộ, công chức-viên chức, học sinh-sinh viên trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT Đ/ùy (b/c);
- GH (Chỉ đạo);
- CD trường (P/hợp);
- Các đơn vị (T/h);
- Lưu VT, TĐ.



TS. Nguyễn Đức Tính

**QUY CHẾ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-ĐHCNQN ngày 23/12/2016)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

Mục tiêu của công tác Thi đua, khen thưởng trong Nhà trường nhằm tạo động lực, động viên, khuyến khích và tôn vinh các tập thể, cá nhân hăng hái lao động sáng tạo, vươn lên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự phát triển của đơn vị và của Nhà trường.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Tự nguyện, tự giác, công khai; đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác cùng phát triển;
2. Chính xác, công khai, dân chủ, công bằng và kịp thời trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của tập thể và cá nhân;
3. Đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
4. Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;
5. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả hoạt động của phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký, có phát động, có tổ chức thực hiện và có tổng kết.

Điều 3. Thẩm quyền và trách nhiệm đánh giá, quyết định về thi đua, khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua và việc khen thưởng của cấp trên đối với tập thể, cá nhân do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng (TĐKT) Nhà trường xem xét tiêu chuẩn đề nghị.
2. Danh hiệu thi đua và khen thưởng cấp trường do các đơn vị xem xét đề nghị, Hội đồng TĐKT Nhà trường xét duyệt và trình Hiệu trưởng quyết định công nhận.
3. Thường trực Hội đồng TĐKT Nhà trường hướng dẫn các đơn vị đăng ký và lập hồ sơ xét khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất khen thưởng; giúp Hội đồng TĐKT tổng hợp, xem xét đánh giá phong trào thi đua và khen thưởng.

Điều 4. Đối tượng xét khen thưởng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (CCVC) đang làm việc và hưởng lương tại trường. CCVC đi học tập trung dài hạn trong nước và nghỉ thai sản trong thời gian quy định (không tham gia xét thưởng trách nhiệm hàng tháng) được tham gia xét danh hiệu thi đua học kỳ và năm học.

2. Học sinh, sinh viên (HS-SV) hệ chính quy và bổ túc văn hoá đang học tập tại trường.

3. Học sinh phổ thông là con của CCVC đang công tác tại trường.

4. Trường hợp đặc biệt, những tập thể và cá nhân ngoài trường có những đóng góp, giúp đỡ mang lại hiệu quả cao trong công tác cho Nhà trường.

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG ĐỊNH KỲ

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua định kỳ

1. Thi đua hàng tháng

Thi đua hoàn thành khối lượng công việc hàng tháng.

2. Thi đua theo kỳ

a) Thi đua hoàn thành kế hoạch công tác học kỳ I;

b) Thi đua hoàn thành kế hoạch công tác học kỳ II;

c) Thi đua hoàn thành kế hoạch công tác năm học.

Điều 6. Danh hiệu thi đua

1. Cá nhân

a) Lao động xếp loại A, B, C xét theo tháng (*có Phụ lục hướng dẫn bình xét thi đua tháng kèm theo*);

b) Lao động tiên tiến (LĐTT) xét theo học kỳ và cả năm học;

c) Chiến sỹ thi đua (CSTĐ) cơ sở xét theo năm học;

d) Chiến sỹ thi đua cấp Bộ xét hàng năm (*Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương*);

đ) Chiến sỹ thi đua toàn quốc (*Thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định của Chính phủ*).

2. Tập thể

a) Tập thể xếp loại A, B, C xét theo tháng (*có Phụ lục hướng dẫn bình xét thi đua tháng kèm theo*);

b) Tập thể LĐTT xét theo học kỳ và năm học;

c) Tập thể lao động xuất sắc (LĐXS) xét theo năm học;

d) Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ (*Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương*);

đ) Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ (*Thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định của Chính phủ*).

Điều 7. Tiêu chuẩn thi đua đối với cá nhân

1. Xếp loại thi đua (A,B,C) hàng tháng đối với cá nhân

Kết thúc tháng công tác, Trưởng các đơn vị phối hợp cùng Công đoàn bộ phận tổ chức họp chấm điểm thi đua, xếp loại (A,B,C) cho từng cá nhân trong đơn vị theo 8 nội dung đánh giá CCVC hàng tháng và xếp loại tập thể theo quy định. (*có Phụ lục hướng dẫn bình xét thi đua tháng kèm theo*).

2. Danh hiệu LĐTT học kỳ

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng, có 2/3 số tháng trở lên của học kỳ xếp loại A;

b) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Nhà trường; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh.

3. Danh hiệu LĐTT năm học

a) Học kỳ I và học kỳ II đạt danh hiệu LĐTT. Nếu học kỳ I không đạt LĐTT thì xét đến sự tiến bộ của cá nhân trong học kỳ II để xét LĐTT năm học;

b) Những trường hợp đi đào tạo tập trung dài hạn trong nước có xác nhận kết quả học tập từ loại khá trở lên được xét công nhận danh hiệu LĐTT của năm học;

c) Không xét danh hiệu LĐTT năm học cho những trường hợp: không đăng ký thi đua; tuyền dụng dưới 10 tháng (xét cho học kỳ là dưới 5 tháng); nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên (xét cho học kỳ là trên 20 ngày); bị xử phạt hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

4. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua (CSTD) cơ sở

a) Là những cá nhân LĐTT tiêu biểu của năm học;

b) Trong năm học, có tham gia đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) hoặc có tham gia từ 03 sáng kiến cải tiến (SKCT), giải pháp công tác, bài báo trở lên hoặc có 01 SKCT, giải pháp công tác, bài báo đứng tên cá nhân đã được Hội đồng khoa học cấp trường trở lên công nhận nghiệm thu;

c) Đối với Giảng viên chuyên trách, ngoài các tiêu chuẩn trên, trong năm học phải tham gia ít nhất 01 hội giảng cấp trường đạt loại Giỏi trở lên; chất lượng kết quả giảng

dạy trong từng học kỳ, phải có tỷ lệ HS-SV yếu, kém (thi lần 1) đạt chỉ tiêu của Hội nghị CCVC năm học đề ra;

d) Số lượng CSTĐ cơ sở của đơn vị được đề nghị xét công nhận, với tỷ lệ không quá 15% số CCVC đạt danh hiệu LĐTT trong đơn vị (Số lượng cụ thể được tính theo quy tắc làm tròn số; đơn vị ít nhất được đề nghị 01 cá nhân; những đơn vị có cơ cấu đặc thù do Hiệu trưởng quyết định);

đ) Danh hiệu CSTĐ cơ sở phải qua bỏ phiếu tín nhiệm của Hội đồng TĐKT và có tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

5. Danh hiệu CSTĐ cấp Bộ

a) Danh hiệu CSTĐ cấp Bộ được xét và đề nghị tặng cho cá nhân là những người có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số những cá nhân có 03 năm liên tục đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở (*Tiêu chuẩn cụ thể được thực hiện theo văn bản hướng dẫn hàng năm và quy định chi tiết thi hành công tác Thi đua, khen thưởng của Bộ Công Thương*);

b) Danh hiệu CSTĐ cấp Bộ phải qua bỏ phiếu tín nhiệm của Hội đồng TĐKT và có tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu);

c) Tỷ lệ cá nhân được đề nghị công nhận danh hiệu "CSTĐ cấp Bộ" hàng năm không vượt quá 15% tổng số cá nhân 03 năm liên tục đạt danh hiệu "CSTĐ cơ sở".

6. Danh hiệu CSTĐ toàn quốc

a) Danh hiệu CSTĐ toàn quốc được xét và đề nghị tặng cho cá nhân là những người có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số những cá nhân 02 lần đạt danh hiệu CSTĐ cấp Bộ (*Tiêu chuẩn cụ thể thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cấp trên*);

b) Danh hiệu CSTĐ toàn quốc phải qua bỏ phiếu tín nhiệm của Hội đồng TĐKT và có tỷ lệ phiếu bầu đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Tập thể xếp loại thi đua (A,B,C) hàng tháng (*có Phụ lục hướng dẫn bình xét thi đua tháng kèm theo*).

a) Đơn vị xếp loại A: Được bình xét chấm điểm thi đua từ 72 điểm trở lên; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có số người lao động đạt loại A \geq 80% tổng số người trong đơn vị;

b) Đơn vị xếp loại B: Được bình xét chấm điểm thi đua từ 65 điểm đến 71 điểm; Hoàn thành nhiệm vụ được giao, có số người lao động đạt loại A từ 70% ÷ 79% tổng số người trong đơn vị;

c) Đơn vị xếp loại C: Được bình xét chấm điểm thi đua từ 40 điểm đến 64 điểm; Trong tháng có phần việc chưa hoàn thành hoặc có cá nhân bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc có số người lao động đạt loại A chiếm tỷ lệ từ 60% đến 69% trên tổng số người trong đơn vị;

d) Đơn vị không xếp loại (không xét thưởng): Được bình xét chấm điểm thi đua từ 39 điểm trở xuống; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc có cá nhân bị thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có số người lao động đạt loại A < 60% tổng số người trong đơn vị;

Số % lẻ sau dấu phẩy được làm tròn theo quy tắc làm tròn số.

2. Danh hiệu Tập thể LĐTT học kỳ

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có trên 2/3 số tháng của học kỳ được xét xếp loại A;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có từ 80% trở lên, cá nhân trong đơn vị đạt danh hiệu LĐTT và không có cá nhân bị thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Danh hiệu Tập thể LĐTT năm học

Đạt danh hiệu LĐTT cả 2 học kỳ; có xét đến sự phấn đấu và thành tích của tập thể trong học kỳ II để xét LĐTT năm học.

4. Danh hiệu Tập thể LĐXS

a) Là Tập thể LĐTT tiêu biểu của năm học;

b) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà trường, Nhà nước;

c) Có 100% cá nhân trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có trên 90% cá nhân đạt danh hiệu LĐTT;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở và không có cá nhân bị thi hành kỷ luật.

Tỷ lệ xét, đề nghị công nhận danh hiệu "Tập thể LĐXS" không quá 30% tổng số tập thể đạt danh hiệu "Tập thể LĐTT" trong toàn trường.

Số lượng và danh sách cụ thể do Hội đồng TĐKT quyết định.

Điều 9. Hình thức khen thưởng

1. Đối với tập thể

- a) Huân chương Lao động (hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba);
- b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Bằng khen toàn diện và tương đương;
- d) Bằng khen chuyên đề và tương đương;
- đ) Giấy khen.

2. Đối với cá nhân

- a) Huân chương Lao động (hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba);
- b) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Bằng khen toàn diện và tương đương;
- d) Bằng khen chuyên đề và tương đương;
- đ) Kỷ niệm chương;
- e) Giấy khen.

Điều 10. Mức thưởng

1. Mức thưởng cho các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tập thể và cá nhân được tính theo mức lương cơ sở (MLCS) chung do Chính phủ quy định tại thời điểm ban hành quyết định khen thưởng và theo Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Trường; tiền thưởng sau khi nhân với hệ số MLCS chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng.

2. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do cấp trên quyết định (Nhà nước, Bộ, Tỉnh và các đoàn thể quần chúng cấp Bộ, ngành tương đương) nhưng chưa có tiền thưởng (nộp đầy đủ bản sao quyết định khen thưởng và các loại giấy tờ hợp lệ) thì được Nhà trường xét thưởng tiền.

3. Mức thưởng cụ thể được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 11. Thưởng đề tài NCKH và SKCT

1. Đề tài NCKH

- a) Đề tài cấp Nhà nước;
- b) Đề tài cấp Bộ;
- c) Đề tài cấp trường;

2. Sáng kiến cải tiến

- a) Loại xuất sắc;
- b) Loại giỏi;
- c) Loại khá;
- d) Loại trung bình.

Mức thưởng cụ thể được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 12. Thưởng cho học sinh phổ thông là con CCVC đạt kết quả học tập cao và có tài năng trong năm học

1. Trúng tuyển vào đại học hệ chính quy tập trung dài hạn.

2. Thưởng về thành tích học tập trong năm học

a) Danh hiệu học sinh xuất sắc, giỏi;

b) Danh hiệu học sinh tiên tiến.

3. Thưởng về tài năng, năng khiếu

a) Cấp Quốc gia (gồm giải nhất, nhì, ba);

b) Cấp Bộ, Tỉnh và tương đương (gồm giải nhất, nhì, ba);

c) Cấp huyện và tương đương (gồm giải nhất, nhì, ba).

Mức thưởng cụ thể được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG ĐỘT XUẤT

Điều 13. Khen thưởng đột xuất cho học HS-SV và CCVC có thành tích xuất sắc trong hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo

1. Đối với HSSV

a) HSSV tham gia thi học sinh giỏi do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc loại giỏi và loại khá;

b) HSSV tốt nghiệp đạt loại xuất sắc, loại giỏi và loại khá;

c) HSSV có thành tích xuất sắc được cấp trên tặng Bằng khen, Giấy khen nhưng chưa được thưởng tiền thì được nhà trường xét thưởng.

Mức thưởng cụ thể được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Thưởng hoạt động kinh tế

Tập thể và cá nhân thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động kinh tế mà thực hiện đúng quy định của pháp luật, đem lại lợi nhuận cho Nhà trường, tùy từng trường hợp cụ thể sẽ được xét thưởng tiền, sau khi đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Mức thưởng cụ thể theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Thưởng tài năng

Nhằm động viên khích lệ các tập thể và cá nhân có những thành tích tiêu biểu đóng góp vào thành tích chung của Nhà trường, tùy theo kết quả đóng góp, Thường trực Hội đồng TĐKT đề xuất khen và trình Hiệu trưởng mức thưởng riêng.

Điều 14. Quy trình thưởng đột xuất

Các đơn vị chức năng phối hợp đề nghị bằng văn bản, kèm theo bản thành tích gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng để trình Hiệu trưởng quyết định khen thưởng đột xuất.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Xét thi đua hàng tháng

Hàng tháng căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc được giao, các đơn vị xếp loại thi đua cho tập thể và cá nhân trong đơn vị mình, nộp kết quả về Thường trực Hội đồng TĐKT Nhà trường trước ngày giao ban hàng tháng.

Điều 16. Xét thi đua học kỳ và năm học

Từng học kỳ và năm học, Hội đồng TĐKT Nhà trường thông báo hướng dẫn để các đơn vị trong toàn trường tổ chức họp và bình xét các danh hiệu thi đua theo quy định.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các hoạt động phong trào thi đua và kết quả bình xét thi đua của đơn vị mình.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Thường trực Hội đồng TĐKT Nhà trường để tổng hợp và trình Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
QUẢNG NINH
TS. Nguyễn Đức Tính

PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BÌNH XÉT THI ĐUA THÁNG
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-ĐHCNQN ngày 23/12/2016 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)*

Nội dung các tiêu chí	Điểm	Ghi chú
I. ĐỐI VỚI TẬP THỂ: Tổng số là 80 điểm		
1. Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	25	
a) Hoàn thành các công việc được giao (không bị lãnh đạo nhà trường nhắc nhở hoặc phê bình);	25	
b) Có 01 công việc được giao không hoàn thành, để lãnh đạo nhà trường nhắc nhở, phê bình 01 lượt;	20	
c) Có 02 công việc được giao không hoàn thành, để lãnh đạo nhà trường nhắc nhở, phê bình hoặc có 01 công việc được giao không hoàn thành, để lãnh đạo nhà trường nhắc nhở, phê bình 02 lượt;	10	
d) Có 03 công việc được giao trở lên không hoàn thành, để lãnh đạo nhà trường nhắc nhở, phê bình hoặc có 01 công việc được giao không hoàn thành, để lãnh đạo nhà trường nhắc nhở, phê bình đến 03 lượt;	0	
2. Đoàn kết thống nhất trong đơn vị và các đơn vị bạn	16	
a) Có tinh thần đoàn kết tốt trong đơn vị (không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo), phối hợp công tác với các đơn vị tốt;	16	
b) Trong đơn vị có đơn thư khiếu nại (chính danh) chưa đến mức gây mất đoàn kết nội bộ hoặc phối hợp với các đơn vị chưa tốt (còn có công việc tồn đọng do chưa phối hợp);	8	
c) Trong đơn vị có đơn thư, khiếu nại, tố cáo (chính danh), gây mất đoàn kết nội bộ hoặc không có sự phối hợp với các đơn vị.	0	
3. An toàn về người và tài sản	10	
a) Không để mất an toàn về người và tài sản;	10	
b) Thiếu tinh thần trách nhiệm để mất an toàn về người hoặc tài sản;	0	
4. Tham gia hoạt động các phong trào do các cấp tổ chức	9	
a) Hưởng ứng và tham gia đầy đủ các phong trào của chính quyền, đoàn thể quần chúng phát động: Văn nghệ, Thể dục thể thao (TDTT), Vệ sinh môi trường (VSMT), đóng góp quỹ từ thiện;	9	
b) Tham gia các phong trào của chính quyền, đoàn thể quần chúng phát động chưa đầy đủ (Văn nghệ, TDTT, VSMT, đóng	4	

góp quỹ từ thiện);		
c) Không tham gia các phong trào của chính quyền, đoàn thể quần chúng phát động (Văn nghệ, TDTT, VSMT, đóng góp quỹ từ thiện).		0
5. Thực hiện việc vệ sinh môi trường:		10
a) Thực hiện tốt về VSMT nơi làm việc, bên cạnh nơi làm việc (Bàn ghế, tài liệu ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ);		10
b) Thực hiện chưa tốt về VSMT tại nơi làm việc và xung quanh nơi làm việc;		0
6. Nộp báo cáo tháng, tuần và các báo cáo khác		10
a) Nộp các loại báo cáo đầy đủ và đúng hạn;		10
b) Nộp 01 loại báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng hạn;		5
c) Nộp từ 02 loại báo cáo trở lên không đầy đủ hoặc không đúng hạn.		0
Xếp loại tập thể:	Loại A: ≥ 72 điểm; Loại B: Từ 65 điểm đến 71 điểm; Loại C: Từ 40 điểm đến 64 điểm; Không xếp loại: 39 điểm trở xuống.	
II. ĐỐI VỚI CÁ NHÂN: Tổng số là 80 điểm		
1. Chấp hành đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của nhà trường;		8
a) Chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của nhà trường;		8
b) Chấp hành chưa tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của nhà trường.		0
2. Kết quả công tác		25
a) Đối với viên chức nghiệp vụ (các Phòng, Ban, Trung tâm):		
+ Hoàn thành các công việc được giao (không bị lãnh đạo đơn vị nhắc nhở, phê bình);		25
+ Có 01 công việc được giao không hoàn thành, để lãnh đạo đơn vị nhắc nhở, phê bình 01 lượt;		20
+ Có 02 công việc được giao không hoàn thành, để lãnh đạo đơn vị nhắc nhở, phê bình hoặc có 01 công việc không hoàn thành, để lãnh đạo đơn vị nhắc nhở, phê bình 02 lượt;		10
+ Có từ 03 công việc trở lên không hoàn thành, để lãnh đạo đơn vị nhắc nhở, phê bình hoặc có 01 công việc không		0

hoàn thành, để lãnh đạo đơn vị nhắc nhở, phê bình 03 lượt.		
b) Đối với giảng viên (các Khoa, Bộ môn, Trung tâm Đào tạo nghề):		
Căn cứ vào kết quả học tập của Sinh viên-Học sinh (SV-HS), áp dụng đối với lớp trực tiếp giảng dạy và những tháng có kết quả điểm thi kết thúc học kỳ.		
- Kết quả thi lần 1:		
+ Tỷ lệ SV-HS: Yếu, Kém (Y, K) $\leq 15\%$ và Khá, Giỏi, Xuất sắc (K, G, XS) $\geq 35\%$	25	
+ Tỷ lệ SV-HS: Y, K $\leq 15\%$ và K, G, XS dưới 35%	18	
+ Tỷ lệ SV-HS: Y, K trên 15% và K, G, XS $\geq 35\%$	10	
+ Tỷ lệ SV-HS: Y, K trên 15% và K, G, XS dưới 35%	0	
- Kết quả thi lần 2:		
+ Tỷ lệ SV-HS đạt $\geq 95\%$	25	
+ Tỷ lệ SV-HS đạt dưới 95%	15	
3. Tinh thần kỷ luật lao động	18	
a) Đi làm việc hoặc lên lớp đúng thời gian quy định;	18	
b) Đi làm việc hoặc lên lớp không đúng thời gian quy định 01 lần;	9	
c) Đi làm việc hoặc lên lớp không đúng thời gian quy định 02 lần; hoặc bỏ tiết, bỏ việc, nghỉ vô lý do 01 buổi.	0	
4. Tinh thần phối hợp	5	
a) Có tinh thần trách nhiệm phối hợp trong công tác, hợp tác hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc;	5	
b) Không có tinh thần trách nhiệm phối hợp trong công tác, không có tinh thần hợp tác hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau.	0	
5. Tính trung thực trong công tác	5	
a) Thực hiện nhiệm vụ trung thực và báo cáo đầy đủ, kịp thời;	5	
b) Thực hiện nhiệm vụ chưa trung thực và báo cáo chưa đầy đủ, không kịp thời.	0	
6. Đạo đức, lối sống	9	
a) Có phẩm chất đạo đức, tác phong sinh hoạt tốt; có ý thức giáo dục SV-HS chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường;	9	
b) Có vi phạm về: phẩm chất đạo đức, tác phong sinh hoạt, ý thức giáo dục SV-HS.	0	

7. Tinh thần học tập	5	
a) Có tinh thần tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;	5	
b) Chưa có tinh thần tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;	0	
8. Tinh thần thái độ phục vụ	5	
a) Nhiệt tình, trách nhiệm, tận tụy với công việc;	5	
b) Chưa nhiệt tình, trách nhiệm; chưa tận tụy với công việc;	0	
Xếp loại cá nhân:		
Loại A: ≥ 72 điểm;		
Loại B: Từ 65 điểm đến 71 điểm;		
Loại C: Từ 40 điểm đến 64 điểm;		
Không xếp loại: 39 điểm trở xuống.		

Một số lưu ý:

1. Không xét thi đua với cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.
2. Viên chức nghiệp vụ nghỉ việc hoặc Giảng viên bỏ tiết vô lý do 02 buổi trong tháng, thì xếp thi đua loại C và nghỉ 03 buổi trở lên trong tháng, thì không xếp loại.
3. Trong cùng một học kỳ: Nếu cá nhân lặp lại khuyết điểm của các tháng trước thì hạ 01 bậc thi đua; tháng thứ ba tiếp tục vi phạm khuyết điểm đó thì không xếp loại và các tháng sau lại tiếp tục tái phạm khuyết điểm đó thì Nhà trường xem xét đến tinh thần kỷ luật lao động hoặc năng lực công tác của cán bộ, viên chức.



TS. Nguyễn Đức Tính